

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU NĂM HỌC 2024-2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024)

Đơn vị tính: đồng

STT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Năm học 2024-2025	Dự kiến Năm học 2025-2026	Dự kiến Năm học 2026-2027
I	Học phí	tháng	120.000	120.000	120.000
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/NQ/2024/NQ-HĐND				
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (ngủ có máy lạnh)	tháng	250.000	250.000	250.000
2	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu	năm	27.000	27.000	27.000
3	Dịch vụ sử dụng máy lạnh: Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	tháng	85.000	85.000	85.000
4	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	tháng	30.000	30.000	30.000
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác				
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	tháng			
	Khối 10,11		250.000	250.000	250.000
	Khối 12		300.000	300.000	300.000
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	tháng	200.000	200.000	200.000
IV	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo Đề án				
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng, ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông TPHCM theo hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030”	tháng	120.000	120.000	120.000

STT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Năm học 2024-2025	Dự kiến Năm học 2025-2026	Dự kiến Năm học 2026-2027
V	Các khoản thu cho cá nhân học sinh				
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	năm	200.000	200.000	200.000
2	Học phẩm (ấn chỉ hồ sơ học sinh, ấn chỉ đề kiểm tra, học phẩm...)	năm	50.000	50.000	50.000
3	Tiền nước uống (Ion life)	tháng	20.000	20.000	20.000
4	Bảo hiểm y tế (9 tháng)	năm	663.390	663.390	663.390
5	Bảo hiểm y tế (12 tháng)	năm	884.520	884.520	884.520

Ngày 17 tháng 9 năm 2024

Hiệu trưởng



Nguyễn Minh Hoàng